

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 30 - 9 - 2020.

V/v tranh chấp: “Kiện xin ly
hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là thư ký tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Kiều D, sinh năm 1992.

*** Bị đơn:** Anh Lê Duy H, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố NS, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Kiều D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kiều D và anh Lê Duy H kết hôn vào ngày 29/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc của hai bên gia đình. Trước khi kết hôn chị D và anh H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh H. Cuộc sống những ngày đầu ngay sau khi kết hôn đã không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H mãi mê chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến vợ con. Trong thời gian chị D sinh con đầu lòng được một tháng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ giữa vợ chồng, mà anh H đã đánh chị D vì vậy chị D phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Tuy nhiên do vẫn còn tình cảm với anh H nên khi anh H đón chị lại quay về chung sống nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại thường xuyên xảy ra xích mích, đánh cãi chửi nhau. Thời điểm chị D

mang thai cháu thứ hai anh H có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác vì vậy chị D đã chủ động thuê nhà trọ để sinh sống. Mặc dù vậy anh H vẫn không để cho chị D sống yên ổn mà thường xuyên chửi bới, ghen tuông khiến chị D luôn trong tình trạng căng thẳng. Việc chăm sóc con cái cũng đều do chị D và ông bà nội, ngoại hai bên chăm lo chứ anh H không quan tâm gì. Từ tháng 4/2020 đến nay chị D và anh H đã sống ly thân, về mặt tình cảm thì không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D xác định vợ chồng không còn tình cảm, vì vậy chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là các cháu Lê Duy A, sinh ngày 24/4/2015 và cháu Lê Duy T, sinh ngày 19/01/2017. Khi vợ chồng ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Duy T và để anh H nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Duy A. Chị D không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có con riêng, con nuôi, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Lê Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, vì vậy Tòa án không thu thập được quan điểm của anh H.

* Tại biên bản làm việc ngày 29/7/2020 của Tòa án với bà Phạm Thị Hiền (là mẹ đẻ của anh Lê Duy H), bà Hiền cung cấp cho Tòa án thông tin như sau: Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh H đã nắm được lịch làm việc của Tòa nhưng vì công việc bận nên anh H không đến Tòa làm việc. Hiện anh H vẫn ở cùng gia đình bà Hiền tại tổ dân phố NS, phường CS, thành phố PL.

Về tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H: Sau khi kết hôn chị D và anh H thường xuyên sinh sống chung cùng gia đình bà. Khi sinh cháu thứ nhất thì thỉnh thoảng chị D sang ở bên nhà ngoại. Đến khi sinh con thứ hai thì vợ chồng chị D thuê nhà trọ ra ở riêng. Trong cuộc sống chị D và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh H thì bà không nắm rõ. Hiện nay chị D và anh H ăn, ở, chung sống cùng nhau hay không bà Hiền cũng không nắm bắt được. Hiện anh H vẫn ăn, ở, sinh sống cùng gia đình bà. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị D và anh H bà Hiền có mong muốn chị D và anh H chung sống với nhau để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên nếu chị D vẫn có nguyện vọng giải quyết ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là cháu Lê Duy A, sinh ngày 24/4/2015 và cháu Lê Duy T, sinh ngày 19/01/2017. Nếu chị D và anh H ly hôn thì con chung là việc riêng của vợ chồng anh chị tự giải quyết, bà không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Khi chị D về làm dâu chưa có tài sản gì đóng góp với gia đình bà, còn tài sản và công nợ chung giữa chị D và anh H bà không nắm bắt được.

* Quan điểm của chính quyền địa phương nơi chị D, anh H đăng ký nhân khẩu thường trú: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị D và anh H theo

quy định pháp luật. Chị D và anh H có 02 con chung, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lê Duy H đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự khiến cho quá trình giải quyết vụ án bị kéo dài.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Kiều D. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Kiều D và anh Lê Duy H.

Về con chung: Giao chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Duy T, sinh ngày 19/01/2017; giao anh H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Duy A, sinh ngày 24/4/2015 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn: Các đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Duy H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ dân phố NS, phường CS, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều

28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thị Kiều D và anh Lê Duy H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Anh Lê Duy H đã được Tòa án thực hiện việc giao và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Phạm Thị Kiều D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Kiều D và anh Lê Duy H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ngày 29 tháng 9 năm 2014 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kiều D, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị D và anh H sống không hạnh phúc vì trong cuộc hôn nhân này cả hai không tìm được tiếng nói chung. Anh H không trân trọng cuộc sống hôn nhân thể hiện ở việc không quan tâm đến gia đình và thường xuyên đánh chửi chị D. Mặc dù chị D đã cố níu kéo nhưng cuộc hôn nhân vẫn không hạnh phúc do anh H không thay đổi cách sống. Vì vậy cuộc hôn nhân rơi vào trạng thái căng thẳng không thể giải tỏa nổi. Từ tháng 4/2020 đến nay chị D, anh H đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa chứng tỏ vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau. Việc anh H đã biết chị D đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh, chị nhưng anh H cố tình không đến tòa để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải cho thấy anh H cũng không còn tình cảm với chị D và không quan tâm đến cuộc hôn nhân nữa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Kiều D.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Lê Duy A, sinh ngày 24/4/2015 và cháu Lê Duy T, sinh ngày 19/01/2017. Khi vợ chồng ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Duy T và để anh H nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Duy A. Hội đồng xét xử thấy cháu Lê Duy T mới bước sang tuổi thứ 4 cháu còn nhỏ vì vậy cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ hơn. Vì vậy cần giao cháu Lê Duy T cho chị D và giao cháu Lê Duy A cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Phạm Thị Kiều D và anh Lê duy H mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[5] Về tài sản, và công nợ chung: Chị D không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[6] Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị Kiều D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Kiều D và anh Lê Duy H.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị Kiều D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Duy T, sinh ngày 19/01/2017 (con trai); giao anh Lê Duy H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Duy A, sinh ngày 24/4/2015 (con trai) kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thỏa thuận khác. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Chị Phạm Thị Kiều D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004504 ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị D đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Phạm Thị Kiều D và anh Lê Duy H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường Châu Sơn, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Xuyên

